Thử thách

– HS thảo luận nhóm và làm bài.

+ Mỗi lần mua 3 vỉ trứng gà và 1 vỉ trứng vịt → có (3 + 1) vỉ trứng.

+ Mua 2 lần, mỗi lần 1 + 3 vỉ → (3 + 1) được lấy 2 lần

→ (3 + 1) × 2 vỉ trứng

CỦNG CỐ

– HS nói thứ tự thực hiện các phép tính trong một biểu thức:

+ Chỉ có các phép tính cộng, trừ.

+ Chỉ có các phép tính nhân, chia.

+ Có các phép tính cộng, trừ, nhân, chia.

+ Biểu thức có dấu ngoặc.

LÀM TRÒN SỐ
(1 tiết)

A. Mục tiêu

1. Kiến thức, kĩ năng:

– Làm quen với việc làm tròn số đến hàng chục, hàng trăm.

2. Năng lực chú trọng: tư duy và lập luận toán học, giao tiếp toán học, mô hình hoá toán học.

3. Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội, Tiếng Việt.

Phẩm chất: trách nhiệm, chăm chỉ, yêu nước, nhân ái.

B. Thiết bị dạy học

GV: hình vẽ tia số cho bài học, bài thực hành và bảng hiệu lệnh cho Luyện tập 2 (nếu cần).

C. Các hoạt động dạy học chủ yếu

KHỞI ĐỘNG

Có thể dùng trò chơi chuyển tải các nội dung sau:

– **Xác định** mỗi chữ số của một số ở hàng nào.

Ví dụ: Số 746 có:

- Chữ số 7 ở hàng trăm.
- Chữ số 4 ở hàng chục.
- Chữ số 6 ở hàng đơn vị.

– **Xác định** số tròn trăm, tròn chục.

Ví dụ:

- Tìm các số tròn trăm: 504, 540, 500, 54, 400.
- Tìm các số tròn chục: 90, 109, 70, 7.

– HS **tìm hiểu** phần khởi động.

GV giải thích: Trong cuộc sống, người ta thường làm tròn số để người nghe dễ nhận biết và dễ nhớ các số.

BÀI HỌC VÀ THỰC HÀNH

1. Làm tròn số đến hàng chục

– GV vẽ (hoặc treo) tia số lên bảng lớp cho HS **quan sát**, GV chỉ vào các vạch trên tia số cho HS **đọc** các số từ 60 đến 70.

HS **đọc** lần 2, GV kết hợp viết thêm các số vào tia số.

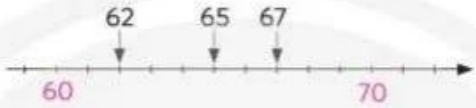

HS **đọc** lần 3: GV chỉ vào các vạch có số, HS đọc (60; 62; 65; 67; 70).

– GV đặt vấn đề: Các em quan sát và cho biết các số này gần với số tròn chục nào hơn.

62 gần số 60 hơn.

65 ở chính giữa hai số tròn chục 60 và 70, không gần số nào hơn.

67 gần số 70 hơn.

– GV chỉ tay vào tia số và giới thiệu:

Khi làm tròn một số đến hàng chục, ta được số tròn chục gần số đó hơn.

Nếu số đó ở chính giữa hai số tròn chục, ta chọn số tròn chục lớn hơn.

– GV: Khi thực hành (không phải lúc nào cũng có tia số), ta làm như thế nào?

HS (nhóm bốn) tìm hiểu nội dung SGK, thảo luận và trình bày theo hướng dẫn của GV.

– Khi **làm tròn số đến hàng chục**, ta quan sát chữ số **hàng đơn vị**:

- Nếu chữ số hàng đơn vị là 1, 2, 3, 4:

  Chữ số hàng chục giữ nguyên.

  Chữ số hàng đơn vị thay bởi chữ số 0.
- Nếu chữ số hàng đơn vị là 5, 6, 7, 8, 9:

  Chữ số hàng chục: cộng thêm 1.

  Chữ số hàng đơn vị thay bởi chữ số 0.

2. Làm tròn số đến hàng trăm

– Tương tự với làm tròn số đến hàng chục, HS tự **tìm hiểu** và **kết luận**.

– Khi **làm tròn số đến hàng trăm**, ta quan sát chữ số **hàng chục**:

- Nếu chữ số hàng chục là 1, 2, 3, 4:

  Chữ số hàng trăm giữ nguyên.

  Các chữ số hàng chục và hàng đơn vị thay bởi các chữ số 0 (tận cùng 00).

• Nếu chữ số hàng chục là 5, 6, 7, 8, 9:

Chữ số hàng trăm: cộng thêm 1.

Các chữ số hàng chục và hàng đơn vị thay bởi các chữ số 0 (tận cùng 00).

3. Thực hành

Bài 1: Làm tròn số đến hàng chục

– HS **thảo luận** nhóm đôi, **nhận biết** kết quả và tập **nói** thành thạo theo SGK.

– Sửa bài, khuyến khích HS **nói** cách làm (nhìn vào chữ số nào, giữ nguyên hay cộng 1, tại sao).

Bài 2: Làm tròn số đến hàng trăm

– Tiến hành tương tự bài 1.

LUYỆN TẬP

Bài 1:

– HS **làm** cá nhân rồi **chia sẻ** trong nhóm bốn.

– Sửa bài: Thực hiện tương tự các bài thực hành.

Kết quả 50; 100; 600; 1 000.

Bài 2:

– **Tìm hiểu** bài:

Đọc từng câu.

Quan sát biển báo, nhận biết số đo thực tế và số sau khi làm tròn:

• Làm tròn tới hàng nào? (trăm hay chục)

• Làm tròn như vậy đúng hay sai?

– **Làm bài**: HS **làm bài** (cá nhân) rồi **nói với** bạn câu trả lời.

– **Sửa bài**: GV gắn bảng hiệu lệnh lên bảng lớp, một HS **đọc** từng câu, **giải thích** – cả lớp **đưa** bảng Đ – S. (Đáp án: S – Đ – Đ – S.)

Đất nước em

– HS **thảo luận** nhóm đôi, **nhận biết** yêu cầu, thực hiện cá nhân và **nói** với bạn.

– Sửa bài, khuyến khích HS **nói** cách làm (nhìn vào chữ số nào, giữ nguyên hay cộng 1, tại sao).

GV có thể giới thiệu sơ lược những cây cầu xi măng được xây dựng ở nông thôn giúp cho việc đi lại của người dân được thuận tiện và việc trao đổi hàng hoá giữa các địa phương cũng dễ dàng hơn.

– HS thông báo: Làm tròn số 352 đến hàng trăm thì được số 400.

– Nhắc lại cách làm tròn số.

+ Làm tròn số đến hàng trăm → Quan sát hàng chục.

+ Nếu chữ số hàng chục là: 0, 1, 2, 3, 4 → Chữ số hàng trăm giữ nguyên.

Nếu chữ số hàng chục là: 5, 6, 7, 8, 9 → Thêm 1 vào chữ số hàng trăm.

+ Các chữ số hàng chục và đơn vị thay bởi chữ số 0.

Hoạt động thực tế

Trao đổi với người thân để **biết** quãng đường từ nhà em đến quê nội, quê ngoại dài bao nhiêu.

Làm tròn các số đo trên đến hàng chục.

LÀM QUEN VỚI CHỮ SỐ LA MÃ
(1 tiết)

A. Mục tiêu

1. Kiến thức, kĩ năng:

– Nhận biết được ba chữ số La Mã: I, V, X.

– Đọc, viết các số tự nhiên trong phạm vi 20 bằng cách sử dụng chữ số La Mã.

2. Năng lực chú trọng: giao tiếp toán học; mô hình hoá toán học; sử dụng công cụ, phương tiện học toán; giải quyết vấn đề toán học.

3. Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội, Tiếng Việt.

Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm, yêu nước.

B. Thiết bị dạy học

GV: Mô hình đồng hồ thứ nhất chỉ có bốn số 12, 3, 6, 9;

Mô hình đồng hồ thứ hai có số ghi bằng số La Mã.

(Hai mô hình này có thể thay thế bởi hình vẽ trên bảng, khi cần thiết GV vẽ kim đồng hồ.)

C. Các hoạt động dạy học chủ yếu

KHỞI ĐỘNG

Trò chơi: Xem đồng hồ.

– GV dùng mô hình đồng hồ thứ nhất, xoay kim để đồng hồ chỉ giờ đúng (kim phút chỉ số 12).

Chẳng hạn: 9 giờ, 3 giờ, 6 giờ, 10 giờ, 1 giờ, 4 giờ, 8 giờ.

– HS **đọc** giờ.

BÀI HỌC VÀ THỰC HÀNH

1. Giới thiệu ba chữ số La Mã: I, V, X

– HS **xem** đồng hồ phần Khởi động (SGK) và **đọc** giờ.

– GV giới thiệu cho HS biết các số ghi trên mặt đồng hồ là các số ghi bằng chữ số La Mã.

– GV giới thiệu ba chữ số thường dùng: I, V, X.

+ GV viết lên bảng: I (diễn giải: chữ I in).

+ Giới thiệu: đây là chữ số La Mã.